|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG NAM HỒNG**  **DỰ THẢO**  **LẦN 1** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**QUY CHẾ**

**Thực hiện dân chủ cơ sở ở phường Nam Hồng**

*(Ban hành kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND, ngày của UBND phường)*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** **Phạm vi, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở và trách nhiệm của UBND phường, các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Nam Hồng.

**2. Đối tượng áp dụng:**

Mọi công dân thực hiện dân chủ trên địa bàn phường Nam Hồng, tại tổ dân phố nơi mình cư trú.

**Điều 2: Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

**Điều 3. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương.

4. Kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

**Điều 5. Quyền thụ hưởng của công dân**

1. Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Được thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương và ở nơi mình cư trú.

3. Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương và kết quả thực hiện dân chủ ở nơi mình cư trú.

4. Được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

**Điều 6. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở phường, tổ dân phố trong việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học-kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số**.**

**Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; tiết lộ thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để xuyên tạc, vu khống, gây mâu thuẫn, kích động bạo lực, phân biệt vùng, miền, giới tính, tôn giáo, dân tộc, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

**Điều 10. Xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức vi phạm quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Quy chế này, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**Chương II**

**NHỮNG NỘI DUNG CÔNG KHAI ĐỂ NHÂN DÂN BIẾT**

**Điều 11. Chính quyền địa phương có trách nhiệm thông tin kịp thời và công khai để Nhân dân biết những nội dung sau:**

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hàng năm của địa phương và kết quả thực hiện.

2. Số liệu báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách của phường, kế hoạch hoạt động tài chính của phường trình hội đồng Nhân dân phường; Dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng Nhân dân phường quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường định kỳ theo quý, 6 tháng, hàng năm; quyết toán ngân sách và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng Nhân dân phường phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (nếu có).

3. Dự án công trình đầu tư trên địa bàn phường, tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường; kế hoạch quản lý sử dụng đất của phường.

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở phường; nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách của cơ quan phường, Tổ dân phố; Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức phường; quyền hạn của chính quyền địa phương.

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình dự án đối với địa bàn phường; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thành lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản do phường quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền địa phương.

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây nhà ở, cấp thẻ BHYT và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn phường.

8.Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn phường; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn phường.

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an Nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an Nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn phường.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách của cơ quan phường, Tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, phó Chủ tịch và Trưởng Ban của Hội đồng Nhân dân phường; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban Nhân dân phường.

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến Nhân dân, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung của chính quyền phường đưa ra lấy ý kiến Nhân dân.

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền phường trực tiếp thực hiện.

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của phường.

14. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở phường.

**Điều 12.** **Hình thức và thời điểm công khai thông tin**

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:

a) Niêm yết thông tin tại trụ sở UBND phường và Nhà văn hóa các TDP;

b) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của phường tại địa chỉ website: ***Namhong.hatinh.gov.vn*** ; trên hệ thống truyền thanh của phường và Tổ dân phố;

c) Thông qua Tổ trưởng dân phố để thông báo đến Nhân dân;

d) Gửi văn bản đến công dân;

đ) Thông qua hội nghị đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương với Nhân dân trên địa bàn;

e) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri;

g) Thông báo đến các tổ chức đoàn thể cùng cấp để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở;

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của của cơ quan có thẩm quyền về nội dung công khai, Ủy ban Nhân dân phường phải tổ chức công khai.

**Điều 13. Lựa chọn hình thức công khai thông tin**

1. Ủy ban nhân dân phường đăng tải trên Trang thông tin điện tử của phường thông tin quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân phường niêm yết thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 11 của Quy chế này tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, tại nhà văn hóa các TDP. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thông tin quy định tại khoản 4 và khoản 13 Điều 11 của Quy chế này được niêm yết thường xuyên tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường và được cập nhật khi có sự thay đổi. Danh sách các nội dung đã được thực hiện công khai kèm theo hình thức, thời gian thực hiện được lập, cập nhật theo từng quý và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, nhà văn hóa Tổ dân phố.

3. Thông tin quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 11 của Quy chế này được công khai trên hệ thống truyền thanh của UBND phường trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tục.

4. Thông tin quy định tại khoản 3 Điều này được gửi đến Tổ trưởng Tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân. Việc thông báo thông tin đến Nhân dân quy định tại khoản này được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức, gồm thông báo tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, cuộc họp, sinh hoạt của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể khác ở tổ dân phố; thông báo trực tiếp hoặc gửi văn bản thông báo đến từng hộ gia đình; thông qua tin nhắn đến đại diện hộ gia đình hoặc sử dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

5. Cùng với việc thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, Ủy ban nhân dân phường có thể quyết định lựa chọn thêm các hình thức công khai thông tin khác quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm để Nhân dân tiếp cận thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, thuận lợi.

6. Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

**Chương III**

**NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 14. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định**

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn phường, Tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ, hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc trực tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung quy ước, hương ước của Tổ dân phố.

4. Bầu, cho thôi làm Tổ trưởng tổ dân phố.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban thanh tra Nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ Tổ dân phố không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

**Điều 15. Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định**

1. Đối với các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

2. Đối với các nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở tổ dân phố đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

3. Công dân cư trú tại tổ dân phố có sáng kiến đề xuất về nội dung quy định tại Điều 14 của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và được ít nhất là 10% tổng số hộ gia đình tại tổ dân phố đồng thuận thì gửi đề xuất đến Tổ trưởng tổ dân phố để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định nếu không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Trường hợp sáng kiến của công dân chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình ở Tổ dân phố đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận ở Tổ dân phố tán thành thì Tổ trưởng tổ dân phố đưa ra để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

Việc thu thập ý kiến đồng thuận của các hộ gia đình có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, bằng văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của đại diện hộ gia đình hoặc hình thức thể hiện ý kiến khác phù hợp với điều kiện thực tế tại cộng đồng dân cư. Công dân có sáng kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng và danh sách hộ gia đình đồng thuận. Ý kiến đồng thuận với sáng kiến của công dân có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thể hiện ý kiến.

**Điều 16. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định**

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức để Nhân dân ở tổ dân phố bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 14 của Quy chế này phải được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 của Luật này. Hình thức phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

**Điều 17. Quyết định của cộng đồng dân cư**

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức Nghị quyết, biên bản cuộc họp.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định;

b) Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư; số người đại diện hộ gia đình có mặt; số hộ gia đình không có người đại diện tham dự;

c) Nội dung cộng đồng dân cư bàn;

d) Hình thức cộng đồng dân cư quyết định;

đ) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình;

e) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư;

g) Chữ ký của Tổ trưởng tổ dân phố,Trưởng ban công tác Mặt trận ở tổ dân phố và 02 đại diện của các hộ gia đình.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày cộng đồng dân cư tổ chức họp biểu quyết hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

**Điều 18. Hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư**

1. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 của Quy chế này được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong tổ dân phố tán thành.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số tổ dân phố trở lên tán thành.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 14 của Quy chế này được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong tổ dân phố tán thành.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 6 Điều 14 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố có hiệu lực kể từ ngày được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua.

Đối với quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường, thì thời điểm có hiệu lực do Ủy ban nhân dân phường quyết định trên cơ sở tổng hợp kết quả biểu quyết của cộng đồng dân cư.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 14 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định công nhận.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 5 Điều 14 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường ban hành quyết định công nhận.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phải ban hành quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Chương IV**

**NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN**

**Điều 19.** **Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân phường quyết định**

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; phương án phát triển ngành nghề trên địa bàn phường.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất của thị xã và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban Nhân dân phường quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, bồi thường, giải phóng mặt bằng và phương án di dân, tái định canh, tái định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên Tổ dân phố, ghép cụm dân cư.

5. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban Nhân dân phường có liên quan đến lợi ích cộng đồng bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

6. Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở phường; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở phường (nếu có).

7. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn phường.

8. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, quy chế thực hiện dân chủ ở phường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền phường thấy cần thiết lấy ý kiến.

**Điều 20. Hình thực Nhân dân tham gia ý kiến**

1. Các hình thức lấy ý kiến Nhân dân bao gồm:

a) Hội nghị đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương với Nhân dân trên địa bàn;

b) Tổ chức họp Tổ dân phố;

c) Phát biểu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;

d) Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng;

đ) Thông qua Ban công tác Mặt trận Tổ dân phố và các chi hội ở Tổ dân phố;

**Chương V**

**NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

**Điều 21. Nội dung kiểm tra, giám sát**

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền phường, cán bộ, công chức thuộc cơ quan phường, người hoạt động không chuyên trách cấp phường và Tổ dân phố.

**Điều 22. Hình thức kiểm tra, giám sát**

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở Tổ dân phố;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách phường, Tổ dân phố và người dân trên địa bàn phường;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách phường, Tổ dân phố và người dân trên địa bàn phường;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương với Nhân dân trên địa bàn;

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc phường và thông qua Ban thanh tra Nhân dân phường, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập theo quy định của pháp luật

**Điều 23. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của Nhân dân**

1. Thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp, Nhân dân đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của chính quyền địa phương , đối với cán bộ, công chức phường trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị, phản ánh đến chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận tổ dân phố, các tổ chức, đoàn thể mà mình là thành viên, hội viên, đến đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

**Điều 24. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát**

1. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm sau đây:

a) Tạo lập và bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh để người dân có thể trực tiếp bày tỏ thái độ, sự đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của chính quyền địa phương và của cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân;

b) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

c) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở địa phương thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

2. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

**Điều 25. Nhiệm vụ quyền hạn của Ban thanh tra Nhân dân ở phường**

1. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định đã được Nhân dân bàn và quyết định; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức thuộc cơ quan phường, người hoạt động không chuyên trách ở phường và Tổ dân phố.

2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó

3. Yêu cầu chính quyền địa phương, cán bộ công chức phường cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

4. Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân, công đồng dân cư.

5. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban Nhân dân phường, cán bộ, công chức thuộc cơ quan phường, Tổ trưởng tổ dân phố khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét xử lý.

6. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp phường có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân.

7. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân.

**Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban giám sát cộng đồng**

1. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có các nhiệm vụ:

a) Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn phường; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án, kiến trúc xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong chương trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn phường.

b) Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn và công sức của công đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách phường hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho phường thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỷ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

c) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án, những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

2. Quyền hạn của Ban giám sát cộng đồng

a) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư gồm quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách của địa phương hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho địa phương, thì ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỷ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

d) Tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của Ban; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiến nghị của công dân.

đ) Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 27.** Quy chế này đã được Ủy ban Nhân dân phối hợp với UB MTTQ phường xây dựng dự thảo, tổ chức tiếp thu, tổng hợp các ý kiến góp ý của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường, Trưởng, phó các đoàn thể, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường và Nhân dân trên toàn phường đã thảo luận thống nhất.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 28.** Ủy ban Nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể chính trị xã hội, cán bộ, công chức chuyên môn, Trưởng các đơn vị, trường học thuộc phường; các Tổ dân phố chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy có những vấn đề cần sửa đổi bổ sung cho phù hợp, yêu cầu báo cáo về UBND phường (qua công chức Văn phòng - Thống kê) để tổng hợp, xem xét sửa đổi./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG**